

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH HÒA BÌNH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **08** /CĐGD
V/v đối chiếu, xác nhận
số phải nộp 2% KPCĐ năm 2021

Hoà Bình, ngày **04** tháng 01 năm 2022

Kính gửi:

- Chủ tịch Công đoàn các đơn vị, trường học trực thuộc;
- Thủ trưởng các đơn vị, trường học trực thuộc.

Căn cứ Công văn số 377/LĐLĐ ngày 15/12/2021 của Liên đoàn Lao động tỉnh Hòa Bình về việc lập và nộp báo cáo quyết toán tài chính năm 2021;

Để đánh giá tình hình thực hiện dự toán tài chính công đoàn năm 2021 của các CĐCS và đối chiếu số 2% kinh phí công đoàn các đơn vị đã nộp vào tài khoản chuyên thu của CĐGD Hòa Bình trong năm 2021 đồng thời xác nhận số kinh phí công đoàn các đơn vị, trường học còn phải nộp năm 2021,

Công đoàn Giáo dục Hòa Bình đề nghị Chủ tịch Công đoàn phối hợp với Thủ trưởng đơn vị đối chiếu số 2% kinh phí công đoàn các đơn vị, trường học đã nộp vào tài khoản chuyên thu của CĐGD Hòa Bình năm 2021 và lập biên bản xác nhận số 2% kinh phí công đoàn các đơn vị, trường học còn phải nộp năm 2021 (Theo mẫu đính kèm).

CĐGD HB gửi kèm theo Công văn này biểu số liệu dự toán đầu năm và số KPCĐ các đơn vị, trường học đã nộp năm 2021 để các đơn vị, trường học đối chiếu, lấy số liệu đưa vào biên bản. Cách thức lập biên bản như sau:

1. Điền đầy đủ thông tin của Thủ trưởng đơn vị vào Bên B (tên đơn vị, địa chỉ, người đại diện, chức vụ, SĐT, email)

2. Trong mục I “Cùng nhau xác nhận-đối chiếu số 2% KPCĐ năm 2021”

- Đơn vị lấy số liệu ở cột số 3, 4, 5, 7 trong Biểu số liệu của CĐGD Hòa Bình lần lượt nhập vào cột “số liệu” ở dòng 1, 3, 6, 5 của biên bản.

- Đưa số lao động, quỹ lương đóng KPCĐ, số KPCĐ phải nộp năm 2021 thực tế tại đơn vị vào dòng số 2, 4, 7 của biên bản. (Lưu ý “*KP phải nộp theo báo cáo quyết toán 2021*” ở dòng số 7 của biên bản là số KPCĐ được tính dựa trên quỹ lương đóng bảo hiểm của đơn vị trong năm 2021).

- Đơn vị điền số liệu vào cột chênh lệch trong biên bản theo cách thức: lấy số dự toán năm 2021 trừ đi số quyết toán năm 2021.

- Đối chiếu số 2% KPCĐ năm 2021 đơn vị đã nộp về tài khoản của CĐGD Hòa Bình với số KP mà CĐGD Hòa Bình đã nhận được (tính đến hết 31/12/2021) ở cột số 6 trong biểu số liệu để điền vào dòng 8 trong biên bản.

- Ở phần kết luận: điền số lao động và quỹ lương phải đóng KPCĐ năm 2021 của đơn vị và giải thích rõ lý do chênh lệch giữa quỹ lương phải đóng KPCĐ của đơn vị với dự toán đầu năm (cột số 4 trong biểu số liệu) (nếu có).

3. Trong mục II “Kiến nghị, đề xuất”:

- Đơn vị điền số KP nộp thiếu năm 2020 ở dòng 5 ở mục I (nếu có);
- Đơn vị điền số KP nộp thiếu năm 2021: là số KP phải nộp (dòng 7) – số KP đã nộp (dòng 8).

Công đoàn Giáo dục Hòa Bình đề nghị các CĐCS phối hợp với chuyên môn hoàn thiện biên bản có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị và gửi 01 bản về cho Công đoàn Giáo dục Hòa Bình trước ngày 15/01/2022 đồng thời nghiêm túc thực hiện việc nộp bổ sung KPCĐ còn thiếu năm 2021./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo CĐGD Hòa Bình;
- Lưu VP.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**



Bùi Đức Ngọc

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH HÒA BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC HÒA BÌNH

BIỂU SỐ LIỆU

Để CĐCS làm căn cứ xác nhận số phải nộp 2% KPCĐ năm 2021

(Kèm theo Công văn số /CĐGD ngày /01/2022)

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên đơn vị	Số liệu dự toán đầu năm			Số KPCĐ đơn vị đã nộp trong năm 2021 (tính đến hết 31/12/2021)	KPCĐ còn nộp thiếu của năm 2020
		Số lao động	Ước quỹ lương thực hiện năm 2021	2% KPCĐ phải nộp năm 2021		
1	2	3	4	5	6	7
1	Sở Giáo dục và đào tạo Hoà Bình	45	3,932,772,000	78,655,000	84,123,208	
2	T. tâm GDTX tỉnh HB	35	3,029,157,000	60,583,000	59,865,600	
3	Trung tâm Kỹ thuật THHN-NNTH	25	2,261,441,000	45,229,000	47,872,300	
4	Trường cao đẳng sư phạm Hoà Bình	118	8,981,041,000	179,621,000	147,471,800	
5	Trường PTDT nội trú THPT tỉnh HB	72	5,954,334,000	119,087,000	122,104,000	
6	Trường PTDTNT THCS&THPT Lương Sơn	33	2,041,095,000	40,822,000	39,788,370	
7	Trường PTDTNT THCS&THPT Đà Bắc	43	2,728,870,000	54,577,000	51,707,000	
8	Trường PTDT nội trú THCS B Đà Bắc	36	1,877,629,000	37,553,000	32,991,000	1,028,400
9	Trường PTDTNT THCS&THPT Cao Phong	41	2,960,833,000	59,217,000	58,880,488	
10	Trường PTDTNT THCS&THPT Tân Lạc	42	3,096,827,000	61,937,000	59,807,100	
11	Trường PTDTNT THCS&THPT Lạc Sơn	39	2,773,512,000	55,470,000	57,314,500	
12	Trường PTDTNT THCS&THPT Yên Thủy	37	2,433,325,000	48,667,000	32,937,126	2,587,307
13	Trường PTDTNT THCS&THPT Lạc Thủy	36	2,284,650,000	45,693,000	48,902,000	
14	Trường PTDTNT THCS&THPT Mai Châu	43	3,086,608,000	61,732,000	64,343,600	
15	Trường PTDT nội trú THCS B Mai Châu	34	2,160,110,000	43,202,000	45,718,400	
16	Trường PTDTNT THCS&THPT Kim Bôi	43	2,964,098,000	59,282,000	60,701,000	
17	Trường THPT Ngô Quyền	32	2,563,827,000	51,277,000	52,402,723	
18	Trường THPT Lạc Long Quân	53	4,281,377,000	85,628,000	85,103,200	
19	Trường THPT Công nghiệp Hoà Bình	67	5,731,455,000	114,629,000	114,630,542	
20	Trường THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ	128	10,575,042,000	211,501,000	207,223,600	
21	Trường THPT Lương Sơn	87	7,151,696,000	143,034,000	143,729,127	
22	Trường THPT Nam Lương Sơn	55	3,737,041,000	74,741,000	72,438,900	
23	Trường THPT Cù Chính Lan	56	4,332,025,000	86,641,000	94,065,324	
24	Trường THPT Kỳ Sơn	45	3,607,456,000	72,149,000	74,008,100	
25	Trường THPT Phú Cường - Kỳ Sơn	32	2,241,830,000	44,837,000	45,367,300	
26	Trường THPT Đà Bắc	50	3,796,531,000	75,931,000	76,320,000	
27	Trường THPT Mường Chiềng - Đà Bắc	36	2,187,126,000	43,743,000	43,197,400	
28	Trường THPT Yên Hoà - Đà Bắc	30	1,608,674,000	32,173,000	27,438,500	
29	Trường THPT Cao Phong	49	3,935,413,000	78,708,000	74,544,303	
30	Trường THPT Thạch Yên - Cao Phong	37	2,254,653,000	45,093,000	41,194,813	

TT	Tên đơn vị	Số liệu dự toán đầu năm			Số KPCĐ đơn vị đã nộp trong năm 2021 (tính đến hết 31/12/2021)	KPCĐ còn nộp thiếu của năm 2020
		Số lao động	Ước quỹ lương thực hiện năm 2021	2% KPCĐ phải nộp năm 2021		
1	2	3	4	5	6	7
31	Trường THPT Tân Lạc	53	4,210,528,000	84,211,000	81,769,600	
32	Trường THPT Lũng vann - Tân Lạc	33	1,908,439,000	38,169,000	30,794,900	
33	Trường THPT Đoàn kết - Tân Lạc	42	3,054,996,000	61,100,000	60,372,500	
34	Trường THPT Mường Bi - Tân Lạc	47	3,444,415,000	68,888,000	74,584,900	
35	Trường THPT Lạc Sơn	57	4,028,132,000	80,563,000	83,710,500	
36	Trường THPT Đại Đồng - Lạc Sơn	52	3,465,882,000	69,318,000	72,968,000	
37	Trường THPT Cộng Hòa - Lạc Sơn	52	3,378,943,000	67,579,000	62,586,000	
38	Trường THPT Quyết Thắng - Lạc Sơn	47	2,887,449,000	57,749,000	57,568,400	
39	Tr. THCS và THPT Ngọc Sơn - Lạc Sơn	45	3,173,306,000	63,466,000	65,043,000	
40	Trường THPT Yên Thủy A	56	4,638,293,000	92,766,000	89,005,038	
41	Trường THPT Yên Thủy B	47	3,665,378,000	73,308,000	75,293,872	
42	Trường THPT Yên Thủy C	37	2,678,669,000	53,573,000	52,318,502	
43	Trường THPT Lạc Thủy	41	3,558,137,000	71,163,000	67,985,400	
44	Trường THPT Lạc Thủy B	48	3,880,335,000	77,607,000	88,061,157	
45	Trường THPT Lạc Thủy C	31	2,276,644,000	45,533,000	46,691,743	
46	Trường THPT Thanh Hà - Lạc Thủy	34	2,713,204,000	54,264,000	56,264,053	
47	Trường THPT Kim Bôi	67	4,919,330,000	98,387,000	91,199,300	
48	Trường THPT 19/5 Kim Bôi	68	5,066,951,000	101,339,000	99,320,700	
49	Trường THPT Sào Báy - Kim Bôi	50	3,537,110,000	70,742,000	64,610,200	
50	Trường THPT Bắc Sơn - Kim Bôi	34	2,213,089,000	44,262,000	42,471,700	
51	Trường THPT Mai Châu	52	4,054,365,000	81,087,000	89,048,000	
52	Trường THPT Mai Châu B	36	2,260,715,000	45,214,000	34,399,500	
53	Cty CP sách và thiết bị trường học HB	16	717,633,000	14,353,000	18,445,852	
	Cộng	2525	186,302,391,000	3,726,053,000	3,670,704,141	3,615,707

Ngày 04 tháng 01 năm 2022

NGƯỜI LẬP



Đinh Thị Quỳnh Như

TM. BAN THƯỜNG VỤ

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Ngọc